

Số: 102 /BC-THCS.XĐ

Xuân Đường, ngày 30 tháng 06 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Xuân Đường

2. Địa chỉ: Ấp 1, xã Xuân Đường, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 02513.727116

Địa chỉ thư điện tử: truongthcsxuandung@gmail.com.vn

Cổng thông tin điện tử:

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

Cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu: Phòng GD&ĐT huyện Cẩm Mỹ.

Tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục:

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

Sứ mạng:

- Đào tạo những công dân phát triển toàn diện, có khả năng học tập suốt đời, có kỹ năng tốt, sẵn sàng hội nhập, đáp ứng với một thế giới luôn thay đổi.

- Khẳng định được vị trí và thương hiệu của nhà trường, là điểm đến tin cậy của phụ huynh, là ngôi trường hạnh phúc của tập thể CB-GV-NV và học sinh.

Tầm nhìn chiến lược phát triển của nhà trường:

* Trọng tâm hoạt động giáo dục học sinh:

- Trang bị cho học sinh các kiến thức về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Chú trọng năng lực vận dụng kiến thức khoa học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đáp ứng nhu cầu cuộc sống hiện tại và tương lai một cách linh hoạt.

- Tổ chức các hoạt động thể thao, văn hóa nghệ thuật và các hoạt động khác để phát huy tối đa năng khiếu và năng lực của từng cá nhân học sinh.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục, dạy kỹ năng sống, giá trị sống, các hoạt động giáo dục theo chủ đề để hình thành và phát triển nhân cách cho học sinh.

- Phối hợp các hoạt động giáo dục và đào tạo của Nhà trường nhằm giúp cho học sinh có năng lực tự học, năng lực tư duy, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, biết cảm thụ cái đẹp, sáng tạo, dám nghĩ dám làm và giao tiếp thuyết phục.

- Đào tạo những công dân tương lai được phát triển toàn diện, mạnh khỏe về thể chất, mạnh mẽ về trí lực, có lối sống đạo đức lành mạnh, có kỹ năng sống,

có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội để đáp ứng được mọi yêu cầu trong giai đoạn hội nhập quốc tế của đất nước.

* Luôn gìn giữ và phát huy giá trị:

- Tình yêu thương: mọi hoạt động giáo dục và giảng dạy của nhà trường luôn xuất phát từ cái tâm của người thầy, từ tình yêu thương cao cả dành cho học sinh. Tình yêu thương lan tỏa tạo thành trì vững chắc đẩy lùi mọi bạo lực và kết nối trái tim

- Sự tôn trọng: tôn trọng thầy cô, bạn bè; tôn trọng cái riêng của mỗi cá nhân, cái chung của tập thể để nề nếp, kỉ cương luôn được thực hiện.

- Sự trung thực: trung thực với bản thân, tránh bệnh thành tích trong giáo dục; trung thực với mọi người để tạo dựng những mối quan hệ tốt trên cơ sở của lòng tin.

- Tính kỷ luật: tôn trọng nguyên tắc làm việc khoa học, chính xác và hiệu quả; xây dựng tính tự giác, trách nhiệm cao trong giảng dạy công tác và học tập.

- Sự lắng nghe: biết lắng nghe và phân tích những ý kiến đánh giá, đóng góp của học sinh, phụ huynh để tự hoàn thiện mình.

- Tinh thần hợp tác: hội đồng sư phạm luôn là một tập thể đoàn kết, có phương pháp làm việc, có khả năng phối hợp trong nhóm để đạt được mục tiêu chung đề ra. Học sinh hợp tác với thầy cô để cùng hoàn thành mục tiêu giáo dục.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường THCS Xuân Đường được thành lập ngày 19 tháng 05 năm 1997 theo Quyết định số 207/QĐ-SGDĐT của Sở GDĐT tỉnh Đồng Nai và là đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc ngành giáo dục.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ:

- Họ và tên: Trương Thanh Hải

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Ấp 1, xã Xuân Đường, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

- Số điện thoại: 0834094777

- Email: Hainam1175@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

- Theo Quyết định số 207/QĐ-SGDĐT ngày 19 tháng 05 năm 1997 của Sở GDĐT tỉnh Đồng Nai về việc thành lập trường THCS Xuân Đường.

- Theo Tờ trình số 183/TTr-THCS ngày 19 tháng 9 năm 2024 về việc kiện toàn Hội đồng trường THCS Xuân Đường năm học 2024 - 2025, chủ tịch hội đồng trường ông Trương Thanh Hải- chức vụ Hiệu trưởng.

- Theo Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học của hiệu trưởng.

- Theo Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học của phó hiệu trưởng.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường: Được thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

- Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo:

+ Hiệu trưởng:

* Họ và tên: Trương Thanh Hải

* Số điện thoại: 0834094777

* Địa chỉ thư điện tử: Hainam1175@gmail.com

* Địa chỉ làm việc: Ấp 1, xã Xuân Đường, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

* Nhiệm vụ, trách nhiệm: Thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học do Bộ Giáo dục và Đào tạo được ban hành kèm theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT và chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động và chất lượng giáo dục của nhà trường.

+ Phó Hiệu trưởng:

* Họ và tên: Trần Thị Thanh Nga

* Số điện thoại: 0981509136

* Địa chỉ thư điện tử: jerry15032008@gmail.com

* Địa chỉ làm việc: Ấp 1, xã Xuân Đường, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

* Nhiệm vụ, trách nhiệm: Thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học do Bộ Giáo dục và Đào tạo được ban hành kèm theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT và chịu trách nhiệm quản lý, điều hành công việc do hiệu trưởng phân công; điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Nhà trường xây dựng và niêm yết tại văn phòng các nội dung sau:

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục;
- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục;
- Các nghị quyết của hội đồng trường;
- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính;
- Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của nhà trường: Trong năm 2024-2025 nhà trường xây dựng kế hoạch và thông báo tuyển dụng vị trí văn thư.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

		ĐH	CD	TC	Chưa qua ĐT	Ghi chú
CBQL		2				
GV		22	0	0		
NV	KT	1				
	YT			1		
	TB	1				
	VTV	1				
	TV		1			
	BV				1	
	PV	1				
Tổng cộng		28	1	1	1	

- Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định	Năm 2024		Năm 2025	
	SL	TL %	SL	TL %
Cán bộ quản lý	2	100%	2	100%
Giáo viên	22	100%	22	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Diện tích khu đất toàn trường: 12.281m²
- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: 33,37m²

* Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

- Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị: 1 phòng hiệu trưởng, 1 phòng phó hiệu trưởng, 1 phòng công đoàn, 1 phòng văn thư, 1 phòng kế toán, 1 phòng hội đồng.

- Trường có 19 Phòng học văn hóa, 1 phòng vi tính, 2 phòng Khoa học tự nhiên, 01 phòng công nghệ, 1 phòng âm nhạc, 1 phòng Mỹ thuật, 1 phòng Anh văn, 1 phòng KHXH, 1 phòng Y tế, 1 phòng đoàn đội, 1 hội trường, 1 phòng Hội đồng, 1 thư viện.

Khu sân chơi, thể dục thể thao: có khu học môn thể dục

- Khối phục vụ sinh hoạt: có phòng hội trường

- Hạ tầng kỹ thuật:

+ Mọi cơ sở vật chất (bàn ghế, bảng, TV thông minh, phòng học) được trang bị đầy đủ phục vụ cho việc giảng dạy.

*** Số thiết bị hiện có đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.**

- Hiện tại theo Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ GDĐT về việc ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho việc dạy và học của nhà trường chưa có, cho nên thiết bị khối 6,7,8, 9 chủ yếu là thiết bị cũ được cấp từ nhiều năm trước hiện đã hư hỏng nhiều và độ chính xác không cao, một số thiết bị được bổ sung từ nguồn xã hội hoá, ngân sách nhà nước mua như 14 cái tivi đã gắn cho các lớp học.

Khối	Môn	Số lượng đồ dùng	Đơn vị tính	Ghi chú
6	KHTN	2	Bộ	Hóa chất nhà trường tự mua vào mỗi kỳ
	KHXH	1	Bộ	
	Âm nhạc	- 1 dàn organ - 10 thanh phách - 10 cái sáo	Bộ	nhà trường tự lấy tiền hoạt động mua
	Mỹ thuật	30 Hộp màu+ 3 súng bán keo	Cái	Đồ dùng hiện tại nhà trường tự mua
	Tin học	30 máy con + 1 máy chủ	Cái	
	Anh văn	2 bộ (2 máy chiếu, 2 loa, 1 máy tính)	Bộ	
	Toán	1	Bộ	
	TĐTT	Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông,	Bộ	Nhà trường tự mua

		các loại lưới cho các môn thể thao		
	GDCD	1	Bộ	
	KHTN	2	Bộ	Hóa chất nhà trường tự mua vào mỗi kỳ
	KHXH	2	Bộ	
	Âm nhạc	- 1 đàn organ - 10 thanh phách - 10 cái sáo	Cái	nhà trường tự lấy tiền hoạt động mua
7	Mỹ thuật	30 Hộp màu+ 3 súng bán keo	Cái	Đồ dùng hiện tại nhà trường tự mua
	Tin học	30 máy con + 1 máy chủ	Cái	
	Ảnh văn	2 bộ (2 máy chiếu, 2 loa, 1 máy tính)	Bộ	
	Toán	1	Bộ	
	TDTT	Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, các loại lưới cho các môn thể thao	Bộ	Nhà trường tự mua
	GDCD	1	Bộ	
	KHTN	1	Bộ	Hóa chất nhà trường tự mua vào mỗi kỳ
	KHXH	1	Bộ	
	Âm nhạc	- 1 đàn organ - 10 thanh phách - 10 cái sáo	Cái	nhà trường tự lấy tiền hoạt động mua
8	Mỹ thuật	30 Hộp màu+ 3 súng bán keo	Cái	Đồ dùng hiện tại nhà trường tự mua
	Tin học	30 máy con + 1 máy chủ	Cái	
	Ảnh văn	2 bộ (2 máy chiếu, 2 loa, 1 máy tính)	Bộ	

	Toán	1	Bộ	
	TĐTT	Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, các loại lưới cho các môn thể thao	Bộ	Nhà trường tự mua khi có sự hư hao
	GDCD	0	Bộ	
9	KHTN	0	Bộ	Hóa chất nhà trường tự mua vào mỗi kỳ
	KHXH	0	Bộ	
	Âm nhạc	- 1 đàn organ - 10 thanh phách - 10 cái sáo	Cái	nhà trường tự lấy tiền hoạt động mua
	Mỹ thuật	30 Hộp màu+ 3 súng bán keo	Cái	Đồ dùng hiện tại nhà trường tự mua
	Tin học	30 máy con + 1 máy chủ	Cái	
	Anh văn	2 bộ (2 máy chiếu, 2 loa, 1 máy tính)	Bộ	
	Toán	1	Bộ	
	TĐTT	Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, các loại lưới cho các môn thể thao	Bộ	Nhà trường tự mua khi có sự hư hao
	GDCD	0	Bộ	

- Các phân môn Âm nhạc, Mỹ thuật, TĐTT, Tin học, anh văn số lượng hiện có là dùng chung cho tất cả các khối.

*** Danh mục sách giáo khoa và số lượng xuất bản phẩm tham khảo:**

STT	Môn học	Bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Ghi chú
I. LỚP 6					
1	Lịch sử và địa lí 6	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Hà Bích Liên, Nguyễn Kim Hong	GĐVN	
2	Khoa học tự nhiên 6	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Cao Cự Giác	GĐVN	

3	Toán 6 /1	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị	GDVN	
4	Toán 6 / 2	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị	GDVN	
5	Ngữ văn 6 /1	Chân trời sáng tạo	Chủ biên: Nguyễn Thị Hong Nam	GDVN	
6	Ngữ văn 6 /2	Chân trời sáng tạo	Chủ biên: Nguyễn Thị Hong Nam	GDVN	
7	Công nghệ 6	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Bùi Văn Hồng	GDVN	
8	Âm nhạc 6	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Hồ Ngọc Khai, Nguyễn Thị Tố Mai	GDVN	
9	Hđ trải nghiệm, hướng nghiệp 6	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Đinh Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên	GDVN	
10	Mĩ thuật 6	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Nguyễn Thị Nhưng, Nguyễn Xuân Tiên	GDVN	
11	Giáo dục công dân 6	Kết nối tri thức	Tổng chủ biên: Nguyễn Thị Toan	GDVN	
12	Tin học 6	Kết nối tri thức	Tổng chủ biên: Nguyễn Chí Công	GDVN	
13	Tiếng anh 6/1	Global success	Tổng chủ biên: Hoàng Văn Vân	GDVN	
14	Tiếng anh 6/2	Global success	Tổng chủ biên: Hoàng Văn Vân	GDVN	
LỚP 7					
1	Khoa học tự nhiên 7	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Cao Cự Giác	GDVN	
2	Toán 7 /1	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Trần Nam Dũng	GDVN	
3	Toán 7/2	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Trần Nam Dũng	GDVN	

4	Ngữ văn 7 /1	Chân trời sáng tạo	Chủ biên: Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thị	GDVN
5	Ngữ văn 7 /2	Chân trời sáng tạo	Chủ biên: Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thị	GDVN
6	Công nghệ 7	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Bùi Văn Hồng	GDVN
7	Tin học 7	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Quách Tất Kiên	GDVN
8	Âm nhạc 7	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai	GDVN
9	Giáo dục công dân 7	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Huỳnh Văn Sơn	GDVN
10	Hđ trải nghiệm, hướng nghiệp 7	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Đinh Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên	GDVN
11	Mĩ thuật 7 (bản 1)	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Nguyễn Thị Nhưng	GDVN
12	Lịch sử và địa lí 7	Kết nối tri thức	Tổng chủ biên: Vũ Minh Giang, Đào Ngọc Hùng	GDVN
13	Tiếng anh 7	Global success	Tổng chủ biên: Hoàng Văn Vân	GDVN
LỚP 8				
1	Toán 8 /1	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Trần Nam Dũng	GDVN
2	Toán 8/2	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Trần Nam Dũng	GDVN
3	Ngữ văn 8 /1	Chân trời sáng tạo	Chủ biên: Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thị	GDVN

4	Ngữ văn 8 /2	Chân trời sáng tạo	Chủ biên: Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thị	GDVN	
5	Công nghệ 8	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Bùi Văn Hồng	GDVN	
6	Âm nhạc 8	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Hò Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai	GDVN	
7	Giáo dục công dân 8	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Huỳnh Văn Sơn	GDVN	
8	Hđ trải nghiệm, hướng nghiệp 8	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Đinh Kim Thoa	GDVN	
9	Mĩ thuật 8	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Nguyễn Thị Nhưng	GDVN	
10	Lịch sử và địa lí 8	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Hà Bích Liên, Nguyễn Kim Hồng	GDVN	
11	Khoa học tự nhiên 8	Cánh diều	Tổng chủ biên: Mai Sỹ Tuấn	GDVN	
12	Tin học 8	Kết nối tri thức	Tổng chủ biên: Nguyễn Chí Công	GDVN	
13	Tiếng anh 8	Global success	Tổng chủ biên: Hoàng Văn Vân	GDVN	

LỚP 9

1	Khoa học tự nhiên 9	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Cao Cự Giác	GDVN	
2	Toán 9/1	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Trần Nam Dũng	GDVN	
3	Toán 9/2	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Trần Nam Dũng	GDVN	
4	Ngữ văn 9/1	Chân trời sáng tạo	Chủ biên: Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thị	GDVN	
5	Ngữ văn 9/2		Chủ biên: Nguyễn Thị		

		Chân trời sáng tạo	Hồng Nam, Nguyễn Thành Thị	GDVN	
6	Công nghệ 9 (định hướng nghề nghiệp)	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Bùi Văn Hồng	GDVN	
7	Công nghệ 9 (lắp đặt mạng điện)	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Bùi Văn Hồng	GDVN	
8	Âm nhạc 9	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai	GDVN	
9	Giáo dục công dân 9	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Huỳnh Văn Sơn	GDVN	
10	Hđ trải nghiệm, hướng nghiệp 9	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Đinh Kim Thoa	GDVN	
11	Mĩ thuật 9 (bản 1)	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Nguyễn Thị Nhưng	GDVN	
12	Lịch sử và địa lí 9	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên: Hà Bích Liên, Hà Thanh Tâm	GDVN	
13	Tin học 9	Kết nối tri thức	Tổng chủ biên: Nguyễn Chí Công	GDVN	
14	Tiếng anh 9	Global success	Tổng chủ biên: Hoàng Văn Vân	GDVN	

* Số lượng sách giáo khoa hiện đảm bảo thực hiện theo chương trình GDPT 2018 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đáp ứng đủ nhu cầu giảng dạy của giáo viên và cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn mượn học tập trong năm học.

* Trong thời gian tới nhà trường chú trọng đầu tư sách tham khảo phục vụ chương trình GDPT 2018 theo đúng quy định Thông tư 21/2014/BGDĐT về quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong cơ sở giáo dục Mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục: Cấp độ 2
- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá và cập nhật trên phần mềm KĐCL hằng năm.
- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian:

Trong giai đoạn 2020-2025 nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá ngoài công nhận đạt cấp độ 2 và được UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

+ Kiểm định chất lượng giáo dục:
* Đạt cấp độ 2 năm 2020 theo Quyết định số 447/QĐ-SGDĐT ngày 26/6/2020 của Sở GD&ĐT tỉnh Đồng Nai.

* Đạt cấp độ 2 năm 2025 theo Quyết định số 661/QĐ-SGDĐT ngày 23/6/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Đồng Nai.

+ Chuẩn quốc gia:

* Đạt mức độ 1 năm 2020 theo Quyết định số 3103/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai

* Đạt mức độ 1 năm 2025 theo Quyết định số 743/QĐ-SGDĐT ngày 27/6/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Đồng Nai.

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm: Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch cải tiến đã đề ra.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 – 2025 số 199 /KH-THCS.XĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024.

Kế hoạch tuyển sinh khối 6 năm học 2024-2025 số 93/KH-THCS.XĐ ngày 25 tháng 05 năm 2024.

- Kết quả tuyển sinh: học sinh khối 6 năm học 2024-2025 tuyển vào 96 học sinh.

- Tổng số học sinh theo từng khối:

+ Khối 6: 94 học sinh/ 3 lớp

+ Khối 7: 115 học sinh/ 3 lớp

+ Khối 8: 93 học sinh/ 3 lớp

+ Khối 9: 72 học sinh/ 2 lớp

- Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối:

+ Khối 6: 31,3 hs/ lớp

+ Khối 7: 38,3 hs/ lớp

+ Khối 8: 31 hs/ lớp

+ Khối 9: 36 hs/ lớp

- Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày: 0

- Số lượng học sinh nam/học sinh nữ: 207 nam/167 nữ

- Số lượng học sinh là người dân tộc thiểu số: 06

- Số lượng học sinh khuyết tật: 03

- Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường từ 31/05/2025 đến ngày 30/06/2025:

+ Học sinh chuyển trường: 17 học sinh

+ Học sinh đến: 11 học sinh

- Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo:

+ Kết quả về học tập:

STT	Lớp	Số sĩ	Kết quả học tập							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	6/1	32	10	31.25%	7	21.88%	15	46.88%	0	0.00%
2	6/2	31	7	22.58%	10	32.26%	14	45.16%	0	0.00%
3	6/3	31	12	38.71%	13	41.94%	6	19.35%	0	0.00%
Khối 6		94	29	30.85%	30	31.91%	35	37.23%	0	0.00%
4	7/1	39	11	28.21%	10	25.64%	17	43.59%	1	2.56%
5	7/2	37	12	32.43%	12	32.43%	11	29.73%	2	5.41%
6	7/3	39	13	33.33%	14	35.90%	11	28.21%	1	2.56%
Khối 7		115	36	31.30%	36	31.30%	39	33.91%	4	3.48%
7	8/1	31	2	6.45%	11	35.48%	16	51.61%	2	6.45%
8	8/2	30	5	16.67%	16	53.33%	9	30.00%	0	0.00%
9	8/3	32	10	31.25%	11	34.38%	11	34.38%	0	0.00%
Khối 8		93	17	18.28%	38	40.86%	36	38.71%	2	2.15%
10	9/1	38	5	13.16%	12	31.58%	21	55.26%	0	0.00%
11	9/2	34	9	26.47%	14	41.18%	11	32.35%	0	0.00%
Khối 9		72	14	19.44%	26	36.11%	32	44.44%	0	0.00%
TỔNG CỘNG		374	96	25.67%	130	34.76%	142	37.97%	6	1.60%

+ Kết quả về rèn luyện/hành kiểm:

STT	Lớp	Số sĩ	Kết quả rèn luyện							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	6/1	32	29	90.63%	3	9.38%	0	0.00%	0	0.00%
2	6/2	31	26	83.87%	5	16.13%	0	0.00%	0	0.00%
3	6/3	31	29	93.55%	2	6.45%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 6		94	84	89.36%	10	10.64%	0	0.00%	0	0.00%
4	7/1	39	37	94.87%	2	5.13%	0	0.00%	0	0.00%
5	7/2	37	32	86.49%	5	13.51%	0	0.00%	0	0.00%
6	7/3	39	38	97.44%	1	2.56%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 7		115	107	93.04%	8	6.96%	0	0.00%	0	0.00%
7	8/1	31	21	67.74%	9	29.03%	1	3.23%	0	0.00%
8	8/2	30	25	83.33%	4	13.33%	1	3.33%	0	0.00%
9	8/3	32	31	96.88%	1	3.13%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 8		93	77	82.80%	14	15.05%	2	2.15%	0	0.00%
10	9/1	38	32	84.21%	6	15.79%	0	0.00%	0	0.00%
11	9/2	34	25	73.53%	9	26.47%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 9		72	57	79.17%	15	20.83%	0	0.00%	0	0.00%
TỔNG CỘNG		374	325	86.90%	47	12.57%	2	0.53%	0	0.00%

- Thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:
- + Lên lớp: 368/374
- + Thi lại : 06/374 học sinh
- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 72, tỷ lệ 100 %.
- Kế hoạch phối hợp giữa trường THCS Xuân Đường với các tổ chức trong và ngoài nhà trường năm học 2024-2025 số 01/KHLT-THCS-UBND-MTTQ-CD-CCB-CA-PN-CMHS-HKH ngày 16 tháng 10 năm 2024.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a). Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác)

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	NGUỒN THU	7.187.261.876	
1	Nguồn NSNN	6.468.102.119	
2	Học phí	74.000.000	
3	Quỹ BDD - CMHS	30.393.982	
4	Quỹ vệ sinh	36.761.500	
5	Quỹ phục vụ HT	26.194.000	
6	Quỹ Đội	15.416.000	
7	Quỹ Học phí	147.037.500	
8	Quỹ BHYT	314.004.600	
9	Quỹ khuyến học khuyến tài	75.352.175	

b). Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
II	NGUỒN NSNN	6.468.102.119	
1	Tiền lương	2.905.276.818	
2	Phụ cấp lương	1.416.286.984	
3	Các khoản đóng góp theo lương	818.388.856	
4	Lương HĐ lao động theo NĐ 111	122.531.760	
5	Tăng giờ	154.265.046	

6	Sửa chữa	48.555.165	
7	Mua sắm	362.307.171	
8	Kinh phí giảm trong năm(tiết kiệm 5%)	27.081.000	
9	Chi khác	37.760.200	
10	Trợ cấp tết	28.800.000	
11	Nghị quyết 07/2024/NQ-HĐND tỉnh	30.000.000	
12	Thỉnh giảng giáo viên	21.584.000	
13	Khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	166.837.000	
14	Tặng giờ, thẻ dự đứng nắng năm 2024	126.984.000	
15	Cấp bù Miễn giảm học phí HS	5.760.000	
16	Phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật	195.684.119	
III	Chi khác phục vụ hoạt động GD	697.437.542	
1	Học phí	74.000.000	
2	Quỹ BDD - CMHS	30.393.982	
3	Quỹ vệ sinh	36.761.500	
4	Quỹ phục vụ HT	26.194.000	
5	Quỹ Đội	14.953.160	
6	Quỹ Học phí	147.037.500	
7	Quỹ BHYT	314.004.600	
8	Quỹ khuyến học khuyến tài	54.092.800	
II+I	TỔNG CỘNG NGUỒN CHI	7.165.539.661	
II			
IV	TỔNG NGUỒN	21.722.215	
1	Quỹ Đội	462.840	
2	Quỹ khuyến học khuyến tài	21.259.375	

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

Mức thu năm học 2024-2025

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Học phí	45.000đ/HS/ tháng	Thu 9 tháng / năm học
2	Quỹ BDD - CMHS	Tự nguyện	
3	Quỹ vệ sinh	99.000 đ/HS/ năm học	
4	Quỹ phục vụ HT	Khối 6: 113.000 đ/hs/năm học Khối 7,8,9: 57.000 đ/hs/năm học	
5	Quỹ Đội	40.000 đ/HS/ năm học	
6	Quỹ BHYT	884.520 đ/HS/ năm	
7	Quỹ khuyến học khuyến tài	Tự nguyện	

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: được cấp kinh phí đúng và đủ kịp thời chi hỗ trợ cho HS.

Thực hiện chế độ trợ cấp cho học sinh diện chính sách thực hiện theo Nghị định số 81/ 2021/ ND-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021. Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Năm học 2024-2025 thực hiện như sau:

Miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2024-2025: 19 học sinh, số tiền 2.610.000 đồng; hỗ trợ chi phí học tập 10 học sinh số tiền: 6.000.000 đồng; Kinh phí chi chính sách học bổng 01 học sinh số tiền: 7.488.000 đồng.

Miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2024-2025: 21 học sinh, số tiền 3.037.500 đồng; hỗ trợ chi phí học tập 6 học sinh số tiền: 4.500.000 đồng; Kinh phí chi chính sách học bổng 01 học sinh số tiền: 9.360.000 đồng.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

Nhà trường đã hoàn thành tốt những chỉ tiêu, nhiệm vụ đặt ra trong năm học 2024-2025, cụ thể:

1. Công tác huy động học sinh đầu năm đạt 380/372, tỷ lệ 102,15% (cao hơn bình quân chung của huyện và cao hơn năm học trước).

2. Thực hiện tốt công tác bỏ học, tỷ lệ bỏ học 3/380 tỷ lệ 0,78% (giảm so với năm học trước).

3. Hiệu quả đào tạo đạt 100 %. Tỷ lệ đậu tốt nghiệp THCS 72/72 là 100 %

4. 100% đội ngũ viên chức, người lao động đạt chuẩn chuyên môn.

5. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số trong giáo dục.

6. Thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, kết quả đạt mức 3.

7. Tổ chức tốt các quy trình lựa chọn và phê duyệt danh mục sách giáo khoa theo hướng dẫn mới.

8. Tham gia tốt các hội thi do ngành tổ chức, cụ thể đạt:

- Kết quả thi học sinh giỏi THCS cấp huyện các môn tiếng anh; Casio có 06 em được công nhận học sinh giỏi cấp huyện.

- Tham gia trưng bày giáo dục STEM đạt 01.giải ba.

- Tham gia Hội thi KHKT cấp huyện đạt 01 giải ba.

- Tham gia Hội thi sáng tạo thanh thiếu niên cấp huyện đạt 01 giải 2; 01 giải khuyến khích.

- Tham gia TDTT cấp huyện đạt 6 giải. Phòng chống bạo lực học đường cấp huyện đạt giải 1.

- Hội thi giáo viên giỏi cấp huyện đạt 8/8 giáo viên, có 01 giáo viên giỏi cấp tỉnh đạt giải II -Môn Địa lý.

9. Thực hiện tốt công tác truyền thông giáo dục: Trường đủ điều kiện để đề xuất các cấp có thẩm quyền xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Trên đây là báo cáo thường niên theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Trường THCS Xuân Đường năm 2025./

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT huyện;
- UBND Xã Xuân Đường;
- Hội đồng trường;
- Chi bộ THCS;
- BGH;
- Đăng tin trên trang thông tin Website;
- Lưu: VT. *Uue*

HIỆU TRƯỞNG



Thanh Hải
Trương Thanh Hải